TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO BẰNG** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/KDTM- ST
Ngày: 13/01/2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bế Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Kim Hoa

2. Ông Nguyễn Văn Hòa

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Mã Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng*:** Ông Hoàng Trường Long - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử công khai vụ án thụ lý số: 03/2019/TLST-KDTM ngày 06 tháng 9 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng kinh tế" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 224/2019/QĐXXST- KDTM ngày 06 tháng 12 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 35/2019/QĐST- KDTM ngày 24/12/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty C

Địa chỉ: Tổ T, phường N, thành phố C.

Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Bảo L - Chức vụ: Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tuyên H – Chức vụ: Phó giám đốc (Văn bản ủy quyền số 333 GUQ/CT ngày 20/10/2019); Có mặt.

Bị đơn: Công ty cổ phần C

Địa chỉ: Tổ N, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quang C - Chức vụ giám đốc

Địa chỉ: Số 25B, tổ B, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/8/2019 và ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày: Công ty C (Bên A) và

Công ty cổ phần C (Bên B) có giao dịch mua bán hàng hóa từ năm 2012; Giữa đôi bên đã ký kết hợp đồng kinh tế số 35/HĐKT "Về việc mua bán sản phẩm xi măng PCB 30", ngày 12/3/2012 với nội dung: Bên A (Bên bán) bán cho bên B (Bên mua) sản phẩm xi măng PCB 30 Hòa An; về giá cả, số lượng, chất lượng, phương thức thời gian giao hàng nhận hàng, thanh toán và các biện pháp đảm bảo hợp đồng hiệu lực của hợp đồng, các bên đã thỏa thuận và ghi nhận đầy đủ trong hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên A đã giao hàng nhiều lần, nhưng bên B không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán. Ngày 09/9/2014, đôi bên đã đối chiếu công nợ xác định bị đơn (Bên B) còn nợ 57.430.283 đ (năm mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi nghìn hai trăm tám mươi ba đồng) phát sinh từ các đơn hàng theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0011207 ngày 29/3/2012; số 0011228 ngày 09/4/2012; số 0012508 ngày 04/5/2012; số 0012524 ngày 12/5/2012; số 0012545 ngày 18/5/2012; số 0012526 ngày 12/5/2012; số 0012922 ngày 31/5/2012; số 0012940 ngày 08/6/2012; số 0013763 ngày 28/6/2012; số 0013764 ngày 28/6/2012; số 0014366 ngày 23/7/2012; số 0014796 ngày 14/8/2012; số 0014705 ngày 17/8/2012;số 0014739 ngày 28/8/2012. Nguyên đơn (Bên A) đã nhiều lần yêu cầu phía bị đơn (Bên B) thanh toán số nợ trên nhưng bị đơn không thực hiện. Nay để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ gốc là 57.430.283 đ (năm mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi nghìn hai trăm tám mươi ba đồng) và tiền lãi xuất 0,60%/tháng, tính từ tháng 01/2013 cho đến tháng 7/2019 (78 tháng) thành tiền lãi xuất là 26.877.372 đ (hai mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm bảy mươi hai đồng). Cộng số tiền gốc và lãi là 84.307.655 đ (tám mươi tư triệu ba trăm linh bảy nghìn sáu trăm năm mươi năm đồng).

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không có thay đổi, bổ sung yêu cầu gì thêm.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn đến làm việc tại Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án không thể ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng; thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại

Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 357, Điều 440 Bộ luật Dân sự; Điều 24, Điều 50, Điều 306 Luật Thương Mại; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc 57.430.283 đ (năm mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi nghìn hai trăm tám mươi ba đồng) và tiền lãi xuất là 26.877.372 đ (hai mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm bảy mươi hai đồng). Cộng số tiền gốc và lãi là 84.307.655 đ (tám mươi tư triệu ba trăm linh bảy nghìn sáu trăm năm mươi năm đồng).

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là 4.215.383 đ (bốn triệu hai trăm mười năm nghìn ba trăm tám mươi ba đồng) để sung quỹ nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đây là tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến tham gia phiên toà vào ngày 23/12/2019 và ngày 13/01/2020 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số nợ gốc 57.430.283 đ (năm mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi nghìn hai trăm tám mươi ba đồng) và tiền lãi xuất 7,2%/năm, tính từ ngày 01/01/2013 cho đến ngày 01/7/2019 (78 tháng) thành tiền lãi xuất là 26.877.372 đ (hai mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm bảy mươi hai đồng). Cộng số tiền gốc và lãi là 84.307.655 đ (tám mươi tư triệu ba trăm linh bảy nghìn sáu trăm năm mươi năm đồng).

Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ hợp đồng kinh tế số 35/HĐKT "Về việc mua bán sản phẩn gạch chỉ xây dựng, xi măng PCB 30" ngày 12/3/2012 với nội dung: Bên A (Bên bán) bán cho bên B (Bên mua) sản phẩm xi măng PCB 30 Hòa An; về giá cả, số lượng, chất lượng, phương thức thời gian giao hàng nhận hàng, thanh toán và các biện pháp đảm bảo hợp đồng hiệu lực của hợp đồng, mà các bên đã thỏa thuận và được ghi nhận trong hợp đồng, biên bản đối chiếu công nợ cùng với các hóa đơn giá trị gia tăng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định nguyên đơn và bị đơn có giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa. Tính đến ngày 09/9/2014, bị đơn còn nợ 57.430.283 đ (năm mươi bảy triệu

bốn trăm ba mươi nghìn hai trăm tám mươi ba đồng) phát sinh từ các đơn hàng theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0011207 ngày 29/3/2012; số 0011228 ngày 09/4/2012; số 0012508 ngày 04/5/2012; số 0012524 ngày 12/5/2012; số 0012545 ngày 18/5/2012; số 0012526 ngày 12/5/2012; số 0012922 ngày 31/5/2012; số 0012940 ngày 08/6/2012; số 0013763 ngày 28/6/2012; số 0013764 ngày 28/6/2012; số 0014366 ngày 23/7/2012; số 0014796 ngày 14/8/2012; số 0014705 ngày 17/8/2012; số 0014739 ngày 28/8/2012. Theo thỏa thuận của đôi bên tại hợp đồng, thời hạn thanh toán từ ngày 05 đến ngày 10 hàng tháng, thanh toán cho lô hàng đã viết hóa đơn trong tháng trước (trong thời hạn 30 ngày) kể từ ngày nhận hàng. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Căn cứ khoản 1 Điều 50 Luật Thương mại năm 2005 quy định:

"1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận."

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán tiền nợ gốc 57.430.283 đ (năm mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi nghìn hai trăm tám mươi ba đồng) là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Tại Điều 5 trong Hợp đồng kinh tế số 33/HĐKT ngày 12/3/2012, giữa đôi bên đã thỏa thuận thời hạn thanh toán từ ngày 05 đến 10 hàng tháng, thanh toán cho lô hàng đã viết hóa đơn trong tháng trước (trừ ngày chủ nhật và ngày lễ). Quá thời hạn thanh toán trên bên A (Bên bán) sẽ ngừng cung cấp hàng và bên B (Bên mua) phải chịu thêm một khoản tiền chịu lãi, tính lãi theo lãi xuất tiền vay của ngân hàng tại thời điểm trên giá trị lô hàng trả chậm. Do vậy, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi chậm thanh toán, thời gian tính lãi từ ngày 01/01/2013 cho đến ngày 01/7/2019 (78 tháng) là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tiền lãi: khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi xuất, phạt vi phạm quy định:

a) Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả theo lãi suất thỏa thuận nhưng không vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm xác lập hợp đồng tương ứng với thời gian vay chưa trả lãi. Trường hợp các bên không xác định rõ lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ.

...

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả.

Hội đồng xét xử xét thấy: Do các bên có thỏa thuận về lãi, tính theo lãi xuất tiền vay của Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm trên giá trị lô hàng chậm trả.

Theo quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định lãi suất cơ bản là 9%/năm.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi xuất năm là 7,2%, là thấp hơn mức lãi xuất ngân hàng, đây là ý trí

tự nguyện của nguyên đơn, không trái với quy định của pháp luật và có lợi cho bị đơn nên cần được chấp nhận. Do các bên đương sự đã có biên bản đối chiếu công nợ ngày 09/9/2014, xác định bị đơn còn nợ 57.430.283 đ (năm mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi nghìn hai trăm tám mươi ba đồng); Tại phiên tòa nguyên đơn đề nghị tính gộp, không tách từng mã hoá đơn cụ thể chưa thanh toán. Hội đồng xét xử nhất trí tính lãi xuất theo đề nghị của nguyên đơn, không tính riêng theo từng mã hóa đơn. Thời gian tính lãi từ ngày 01/01/2013 cho đến ngày 01/7/2019 (78 tháng) theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tiền lãi bị đơn phải thanh toán là:

Nợ gốc 57.430.283 đ x 7,2%/năm x 78 tháng = 26.877.372 đ (hai mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm bảy mươi hai đồng).

Tiền lãi bên B chậm thanh toán là 26.877.372 đ (hai mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm bảy mươi hai đồng).

Cộng cả gốc và lãi, bị đơn phải thanh toán cho bên nguyên đơn là 84.307.655 đ (tám mươi tư triệu ba trăm linh bảy nghìn sáu trăm năm mươi năm đồng).

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 4.215.383 đ (bốn triệu hai trăm mười năm nghìn ba trăm tám mươi ba đồng) để sung quỹ nhà nước.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 280, Điều 357, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Nghị quyết số: 326/2016 UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Công ty C: Buộc Công ty cổ phần C phải thanh toán cho Công ty C số tiền nợ gốc 57.430.283đ (năm mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi nghìn hai trăm tám mươi ba đồng) và tiền lãi xuất là 26.877.372 đ (hai mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm bảy mươi hai đồng). Cộng số tiền gốc và lãi là 84.307.655 đ (tám mươi tư triệu ba trăm linh bảy nghìn sáu trăm năm mươi năm đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền

phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm là 4.215.383 đ (bốn triệu hai trăm mười năm nghìn ba trăm tám mươi ba đồng) để sung quỹ nhà nước.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp 2.100.000 đ (hai triệu một trăm nghìn đồng) cho Công ty C theo biên lai số AA/2018/0000546 ngày 04/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

T M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bế Lan Phương